

NHÓM CHỦ ĐIỂM 4: CHILDREN
VOCABULARY SET 11: CHILDREN WATCHING TELEVISION

Vocabulary:

1. **activate** (v): khởi động, kích hoạt
2. **addictive** (adj): gây nghiện / **addict** (v/n): gây nghiện, người nghiện
3. **appeal** (v) - **appeal to** (collocation): có sức hấp dẫn với ai
4. **ascribe** (v) - **ascribe sth to sth/sb**: quy cái gì cho ai đó, đổ tại cho ai đó
5. **excessive** (adj): quá mức, thái quá
6. **feasible** (adj): khả thi
7. **remedy** (n): phương thuốc, cách điều trị, cách giải quyết
8. **sedentary** (adj): (lối sống) ít hoạt động
9. **stimulate** (v) - **stimulating** (adj): kích thích, khích thích
10. **tackle** (v): giải quyết (vấn đề nào đó)
11. **vivid** (adj): sinh động

Exercises:

Task 1: Write sentences from given cues. Make changes to the cues when needed.

1. there / great deal / indecision / over / how / tackle / problem.

2. win / grand award / the group / ascribe / success / company's training / hard work / and / fans' support.

3. it / believe / human brain / capability / limitless / but / question / is / how/fully / activate / it.

4. it / difficult / design / programme / appeal / 16 to 25-year-olds / since / age range / too broad.

5. build / more roads / not / always / best / remedy / traffic congestion.

Task 2: Translate from Vietnamese to English

1. Để phòng tránh các vấn đề sức khỏe gây ra bởi lối sống trì trệ ít vận động, mọi người được khuyến khích ít nhất một môn thể thao thường xuyên.

2. Một số dấu hiệu của bệnh là sốt cao, buồn nôn và ra nhiều mồ hôi.

3. Một điều đáng chú ý khi dạy ở bậc đại học là sinh viên có thể yêu thích các hoạt động mang tính kích thích trí tuệ hơn học sinh cấp dưới.

4. Cô ấy có một năng lực là ghi nhớ sống động từng chi tiết các giấc mơ của mình.

5. Sau khi được giáo viên hướng dẫn phản hồi, luận văn của tôi có vẻ khả thi hơn.

Task 3: Fill in the blanks with suitable words/phrases

Studies have suggested that children watch much more television than they did in the past and spend less time on active or creative things. What are the reasons and what measures should be taken to encourage children to spend more time on active or creative things?

It is now a norm that children watch an 1 _____ amount of television and not engaging much in active or creative activities. This trend can be 2 _____ to a number of factors and it must be addressed by definite actions.

Reasons for the trend vary. The primary reason is that children's television programmes are being broadcast all day with 3 _____ content, such as 4 _____ and colourful animation. Cartoon Network and Disney Channel with their day-long series of animation shows are an evident example of this. Another clear reason is that parents nowadays are busy with their work, so they want children to focus on an activity that does not require much of their attention, such as watching television. These two reasons tend to make children spend more time in front of the television screen; this 5 _____ lifestyle prevents them from participating in active or creative activities.

A number of strong measures should be implemented to 6 _____ the issue. The first solution is limiting the amount of time that a child can watch television. This could be done by 7 _____ the parental control mode and setting a fixed operating time limit on their television set. Another 8 _____ solution is that parents could spend more time with their children and together they could engage in outdoor or creative activities. For example, parents could form a family sport team that practices on a regular basis, which may 9 _____ to children more than television.

To conclude, there are obvious reasons why children watch too much television and spend little time on more 10 _____ activities. This negative trend could be tackled by a number of 11 _____, such as activating the parental control mode on television sets.

281 words, written by Tu Pham